

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2024/HN-ST

Ngày: 01/8/2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Võ Thị Lệ

+ Ông Đặng Bình Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Lê Thị T, sinh năm xxxx (có mặt),

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

\* *Bị đơn:* Huỳnh Văn M, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* *Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh M đánh đập chị. Chị và anh M không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2024 đến nay không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày xx/xx/xxxx và Huỳnh Nhật H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Bị đơn anh Huỳnh Văn M trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn do chị T đi đánh bài, anh có khuyên ngăn nhưng không được và anh có đánh chị T. Nay anh đồng ý ly hôn với chị M. Một.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày xx/xx/xxxxv và Huỳnh Nhật H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Nguyễn Văn T:** không có ý kiến và trình bày gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp vợ chồng quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn với anh M nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn anh Huỳnh Văn M trú tại địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh M sống chung với nhau vào năm 1994 được sự tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị T và anh M từ năm 1994 cho đến nay mà chị T và anh M cũng không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T mà cần tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh M là phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim H, sinh ngày xx/xx/xxxxv và Huỳnh Nhật H, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh M trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.**

**[1] Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Lê Thị T và anh Huỳnh Văn M không phải là vợ chồng.

**[2] Về án phí:** Chị Lê Thị T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013454 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị T đã nộp xong án phí.

**[3] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Nông sỡ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Văn Nguyễn**